

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST.

Ngày: 06/02/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hậu và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại tỉnh K; nơi cư trú: Thôn 4, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: 01:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2015/HS-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, bị cáo Nguyễn Văn T bị xử phạt 07 (Bảy) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 28/12/2015, bị cáo chấp hành xong án phạt tù. (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại*: Anh Lương Đăng Hải D, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 345 L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Trần Thị V, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Thôn 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: Số 32 N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 05/KSĐT-TA ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 82B1-508.43, mang theo 01 dao tự chế (mã tấu) đi trên đường bờ kè, phường L, thành phố K (hướng từ cầu Đ) để về nhà tại xã C, thành phố K. Khi đến khu vực bờ kè (phường L, thành phố K), bị cáo Trường phát hiện anh Lương Đăng Hải D và chị Trần Thị V đang ngồi chơi nên bị cáo đã nảy sinh ý định cướp tài sản để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo dừng xe, cầm theo dao tự chế đi bộ đến chỗ anh D và chị V. Đến nơi, bị cáo bịa chuyện hỏi anh D có phải là bạn của “Hiếu” không thì anh D trả lời không phải. Sau đó, bị cáo nói anh D đưa điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (đã thay vỏ Iphone 7), màu vàng của anh D để bị cáo kiểm tra xem có số điện thoại của “Hiếu” không. Tuy nhiên, anh D không đồng ý. Thấy vậy, bị cáo vung dao lên dọa chém anh D và nói: “Mày có đưa không?”. Do sợ bị chém, anh D liền đưa điện thoại cho bị cáo. Sau đó, bị cáo điều khiển xe về nhà.

Đến ngày 02/8/2017, bị cáo T mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện

thoại T (Số 340 T, phường Q, thành phố K) và bán cho anh Nguyễn Quốc V với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, anh V bán chiếc điện thoại này cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 3.500.000 đồng. Đối với số tiền bán điện thoại, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá số 52/ĐG-TS ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố K: Tính đến thời điểm bị chiếm đoạt, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 (đã thay vỏ Iphone 7), màu vàng có giá trị là 5.948.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm, bốn mươi tám nghìn đồng*).

Cáo trạng số 05/KSĐT-TA ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 82B1-508.43, mang theo 01 dao tự chế (mã tấu) đi trên đường bờ kè, phường L, thành phố K. Tại đây, bị cáo phát hiện anh Lương Đăng Hải D và chị Trần Thị V đang ngồi chơi nên đã sử dụng dao tự chế mang theo đe dọa chém anh D nhằm chiếm

đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (đã thay vỏ Iphone 7), màu vàng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại trên, bị cáo điều khiển xe về nhà. Đến ngày 02/8/2017, bị cáo đến cửa hàng điện thoại T (Số 340 T, phường Q, thành phố K) và bán cho anh Nguyễn Quốc V chiếc điện thoại này với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, anh V bán chiếc điện thoại này cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 3.500.000 đồng. Đối với số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội thì kể từ ngày 01/01/2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều và Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 chính thức có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, theo điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41, *“tất cả các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018”*. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 để xét xử vụ án.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội *“cướp tài sản”* thuộc trường hợp *“sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”*, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Cáo trạng số 05/KSĐT-TA ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm hiện nay là cần thiết.

[5] Xét thấy, trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, bị cáo Nguyễn Văn T chưa được xóa án tích. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*tái phạm*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Tuy nhiên, nhận thấy, sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trường đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cần được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Xét thấy, bản thân bị cáo Nguyễn Văn T đã từng bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đã có thời gian cách ly ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, sau khi chấp hành án phạt tù, chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội và đủ sức răn đe, giáo dục. Do đó, cần cách ly bị cáo Nguyễn Văn T với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng quy định của pháp luật.

[8] Đối với anh Nguyễn Quốc V là người mua chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, anh V hoàn toàn không biết tài sản này bị cáo có được là do phạm tội. Do đó, hành vi của anh V không phạm vào tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

[9] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã thu giữ các vật chứng như sau:

- 01 dao tự chế (mã tấu) bằng kim loại, dài 67cm, cán bằng kim loại dài 24cm. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 82B1-508.43, mang tên bị cáo Nguyễn Văn T. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, đối với 01 chiếc điện di động nhãn hiệu Iphone 6 (đã thay vỏ Iphone 7), màu vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Lương Đăng Hải D, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được đối tượng mua lại tài sản từ anh Nguyễn Quốc V nên chưa thu giữ được. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, có cơ sở sẽ xử lý sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lương Đăng Hải D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 04/8/2017).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy 01 dao tự chế (mã tấu) bằng kim loại, dài 67cm, cán bằng kim loại dài 24cm.

Tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 82B1-508.43, mang tên bị cáo Nguyễn Văn Trường.

Tất cả như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/01/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/02/2018), bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND T. KonTum;
- VKSND TP. K;
- Công an TP. K;
- Chi cục THA DS TP. K;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

